

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HS-PT

Ngày: 02-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thơ**.

Các Thẩm phán: 1/ Ông **Lê Thanh Vân**;

2/ Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Công Danh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Hồ Minh Hiếu** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 91/2019/TLPT-HS ngày 19 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo Phan D và Nguyễn Văn U do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2019/HS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phan D, sinh năm 1964, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Hộ khẩu thường trú: Đường T, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú hiện nay: Đường T, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Nghề nghiệp: Quay phim; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Cha: Phan T (đã chết) và mẹ: Nguyễn Thị N (đã chết); bị cáo có vợ là Trần Thị Thúy H (đã ly hôn năm 2017) và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/7/2018, chuyển tạm giam ngày 08/8/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn U, sinh năm 1979 tại tỉnh Thanh Hóa; Hộ khẩu thường trú: Đường A, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú hiện nay: Đường A, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Nghề nghiệp: không (tại Tòa khai nghề nghiệp là lái xe đường dài); Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Cha: Nguyễn Quốc L (đã chết) và mẹ: Trần Thị L2; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N2 và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2001, khi đang thực hiện nghĩa vụ quân sự thì phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị Tòa án quân sự Quân khu IV tuyên phạt 25 tháng tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 04/HS-PT ngày 27/11/2001. Đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích; bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/7/2018, chuyển tạm giam ngày 08/8/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn U*: Luật sư **Hoàng Huy C**, Văn phòng Luật sư L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án có 01 bị hại, 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 28/7/2018, Phan D và Nguyễn Văn U trao đổi, thỏa thuận với nhau cùng đến các tỉnh miền Tây quay clip lực lượng Cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ, tìm ra các sai phạm để đe dọa chiếm đoạt tài sản của lực lượng Cảnh sát giao thông. D rủ Mai Xuân H2, sinh năm 1980, cư trú thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình và Nguyễn Minh P, sinh năm 1972, cư trú Khu phố O, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đi miền Tây chơi. U điều khiển xe ô tô 04 chỗ, màu trắng, biển số 47A-164.30 đi từ Thành phố Hồ Chí Minh đến các tỉnh miền Tây. Khi đến tỉnh Tiền Giang thấy Tổ công tác tuần tra, kiểm soát thuộc lực lượng Cảnh sát giao thông Công an Tiền Giang đang làm nhiệm vụ trên tuyến đường tỉnh lộ T (đường dẫn Cao tốc L) nên U điều khiển xe vào lề đường, sau đó U, D và P xuống xe quay phim Tổ công tác, còn H2 ngồi trên xe. U quay phim một mình còn D kêu P sang bên trái đường tìm chỗ kín đáo để quay phim Tổ công tác. D quay phim trước, sau đó đưa máy cho P quay phim nhưng do khoảng cách xa, không quay được nên P trả máy lại cho D tiếp tục quay phim. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày do trời mưa, Tổ công tác tuần tra, kiểm soát thuộc lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang không làm nhiệm vụ nữa nên U, D không quay phim được mà quay trở lại xe. Khi lên xe, U đưa máy quay phim ra băng ghế sau, do U lái xe nên không xác định D hay H2 lấy máy xem nội dung đã quay được, còn D đưa máy quay phim cho H2 xem nội dung đã quay được về Tổ công tác thuộc lực lượng Cảnh sát giao thông và từ các nội dung trong các đoạn phim này H2 đã soạn bài báo trên máy tính xách tay liên quan đến sai phạm của Tổ công tác tuần tra, kiểm soát thuộc lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang. Sau khi chuẩn bị xong các đoạn phim quay được về lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang, D điện thoại cho anh Lê Anh T2 (Đội trưởng Đội Cảnh sát giao thông số H thuộc Phòng Cảnh sát giao thông Công an Tiền Giang) nhưng không gọi được nên D đọc số điện thoại để H2 gọi cho anh T2, khi H2 điện thoại gặp anh T2, H2 giới thiệu là phóng viên Báo N cần gặp anh T2 để trao đổi một số nội dung liên quan đến sai phạm của Tổ công tác tuần tra thuộc lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang mà nhóm của H2 vừa quay phim, chụp hình được, anh T2 đồng ý gặp nhóm của H2 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang.

Khoảng 16 giờ ngày 28/7/2018, U điều khiển xe ô tô biển số 47A-164.30 chở D, H2 và P đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang để gặp anh T2. Khi đến Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang, D mang theo túi xách bên trong có máy quay phim, H2 mang theo máy tính xách tay

cùng P vào gặp anh T2, riêng U ở ngoài xe ô tô nhưng khi vào phòng làm việc của Đội Cảnh sát giao thông số H thuộc Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang thì anh T2 đi công tác chưa về, anh T2 có nhờ anh Nguyễn Hoàng N2 tiếp nhóm của D. Khoảng 10 phút sau anh T2 về đến, khi gặp anh T2 thì H2 có giới thiệu là phóng viên Báo N, có đưa cho anh T2 xem giấy giới thiệu và 01 thẻ phóng viên màu đỏ, sau khi H2 giới thiệu xong thì D có đưa cho anh T2 xem giấy giới thiệu của Báo N, còn P thì không giới thiệu gì về bản thân. Sau khi giới thiệu xong, H2 mở máy tính xách tay đọc cho anh T2 nghe bài báo có liên quan đến sai phạm trong công tác tuần tra, xử lý của Tổ công tác Cảnh sát giao thông Công an Tiền Giang, có nội dung “...chặn dừng nhiều xe, kiểm tra chớp nhoáng...” và nói sáng hôm sau (tức ngày 29/7/2018) sẽ cho đăng bài báo này lên trang của Báo N, đồng thời D cũng mở máy quay phim cho anh T2 xem một số đoạn clip đã quay được nói về sai phạm của Tổ công tác. Sau khi xem xong anh T2 có năn nỉ H2, D bỏ qua cho anh em nhưng D, H2 không đồng ý. Khi nhóm của D và H2 ra về, do sợ ảnh hưởng uy tín lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang nói chung và ảnh hưởng trách nhiệm liên đới đến uy tín, danh dự của bản thân với vai trò là Đội trưởng nói riêng nên anh T2 đã điện thoại cho D, kêu D vào quán cà phê trên đường đi để gặp nói chuyện, đề nghị bỏ qua về những nội dung mà H2, D đã cho anh T2 xem trước đó. Sau khi anh T2 điện thoại cho D thì trên xe D, U bàn bạc, thống nhất yêu cầu anh T2 đưa số tiền là 250.000.000 đồng bằng cách trao đổi thông qua ký hiệu, U giơ 03 ngón tay (ý nghĩa là 300.000.000 đồng), D nói “gì dữ vậy vậy”, sau đó U đưa 03 ngón tay nhưng co lại 01 ngón (ý nghĩa là 250.000.000 đồng). Khi gặp D tại quán cà phê, anh T2 tiếp tục đề nghị D bỏ qua cho anh em nhưng D nói: “Lãnh đạo không đồng ý” và D yêu cầu anh T2 phải đưa 250.000.000 đồng, nếu không sẽ cho đăng báo đối với các sai phạm của Tổ công tác tuần tra, kiểm soát Cảnh sát giao thông Công an Tiền Giang, anh T2 xin giảm xuống còn 60.000.000 đồng nhưng D không đồng ý và bỏ ra về. Đến khoảng 22 giờ ngày 28/7/2018, anh T2 điện thoại và xin D giảm xuống 90.000.000 đồng, D khai có điện thoại để báo lại cho H2 nhưng H2 không đồng ý, H2 nói với D “Anh nói với nó, không phải đàn bà, đừng nói nhiều”, sau đó D điện thoại cho anh T2 và nói: “không bớt gì hết, 250.000.000 đồng”, Tuấn buộc phải giao tiền theo yêu cầu của D vào ngày 29/7/2018.

Đến sáng ngày 29/7/2018 D, H2 và U đến tỉnh Tiền Giang bằng xe ô tô 04 chỗ biển số 47A-164.30 do U điều khiển, khi đến tỉnh Tiền Giang thì thấy Tổ công tác vào ngày 28/7/2018 tiếp tục làm nhiệm vụ tại khu vực gần địa điểm ngày 28/7/2018 nên D xuống xe tiếp tục quay phim nhưng không quay được nội dung gì liên quan sai phạm, sau đó D điện thoại cho anh T2 và tiếp tục yêu cầu anh T2 đưa nhóm của D số tiền 250.000.000 đồng, anh T2 kêu D tìm quán cà phê ngồi đợi anh T2 sẽ mang tiền đến. Khoảng hơn 12 giờ ngày 29/7/2018, D hẹn anh T2 đến khách sạn T thuộc khu vực Phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang để giao 250.000.000 đồng và nhận dữ liệu các đoạn phim gốc, D vào khách sạn thuê phòng trước đợi anh T2 nhưng chờ khoảng 30 phút không thấy anh T2 đến nên D điện thoại kêu U quay lại rước nên khi anh T2 đến khách sạn

thì không gặp D. Anh T2 điện thoại cho D, D hẹn anh T2 đến Trạm thu phí đường Cao tốc L (Trạm thu phí C) thuộc Khu phố H, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để giao tiền.

Đến khoảng 17 giờ ngày 29/7/2018, khi D đang nhận số tiền 250.000.000 đồng từ anh T2 tại khu vực Trạm thu phí C thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang D cùng tang vật là số tiền 250.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2019/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo **Phan D** và **Nguyễn Văn U** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phan D **08 (tám) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 29/7/2018.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 170, điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U **07 (bảy) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 30/7/2018.

* Ngoài ra bản án còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, phần xử lý vật chứng, phần án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 10-8-2019 bị cáo Phan D có đơn kháng cáo với nội dung: xin được giảm nhẹ hình phạt.

* Ngày 12-8-2019 bị cáo Nguyễn Văn U có đơn kháng cáo với nội dung: xin hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang xác định đơn kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, còn nội dung kháng cáo của các bị cáo D xin được giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ; bị cáo U cho rằng không phạm tội Cưỡng đoạt tài sản mà chỉ phạm tội Không tố giác tội phạm là không có cơ sở. Sau cùng Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đưa ra lập luận cho rằng bị cáo U chỉ là lái xe cho H2 và D, bị cáo cũng không tiếp xúc với anh T2, không hăm dọa gì đối với anh T2. Toàn bộ nội dung đoạn clip thu thập được giữa bị cáo D với H2 không liên quan đến bị cáo U. Lời khai của bị cáo U tại Cơ quan điều tra khi đó tâm lý bị cáo không ổn định. Sau cùng Luật sư đề nghị chuyển tội danh đối với bị cáo U.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo D thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của án sơ thẩm đã xét xử. Còn bị cáo U cho rằng không phạm tội Cưỡng đoạt tài sản mà chỉ phạm tội Không tố giác tội phạm. Đồng thời, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1/ Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Do có ý định chiếm đoạt tài sản của lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang, bị cáo D và U đã quay nhiều clip lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang đang làm nhiệm vụ tuần tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Sau khi quay được các đoạn clip, các bị cáo sử dụng các đoạn clip này để đe dọa, yêu cầu anh Lê Anh T2 là Đội trưởng Đội H Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang đưa số tiền 250.000.000 đồng, nếu không giao tiền theo yêu cầu thì các bị cáo sẽ cho đăng báo. Anh T2 lo sợ ảnh hưởng đến uy tín của lực lượng Cảnh sát giao thông nói chung và của anh T2 với vai trò Đội trưởng nói riêng nên anh T2 đã giao cho bị cáo D số tiền 250.000.000 đồng. Khi anh T2 giao tiền cho bị cáo D thì bị lực lượng Công an tỉnh Tiền Giang phối hợp với Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang cùng tang vật. Còn bị cáo U cũng bị bắt ngay sau đó.

2/ Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Nhận thức được điều đó, vậy mà các bị cáo đã cố tình quay các đoạn clip Cảnh sát giao thông đang làm nhiệm vụ tìm những sai phạm nhỏ nhằm đe dọa sẽ đăng báo để uy hiếp tinh thần của anh T2, là Đội trưởng Đội H Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Tiền Giang với mục đích cưỡng đoạt tiền của anh T2 để phục vụ cho nhu cầu cá nhân, bất chấp pháp luật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phan D và Nguyễn Văn U phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” và áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự để xét xử là có cơ sở đúng pháp luật.

3/ Trong vụ án này các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự phân công bàn bạc cụ thể. Trong đó, bị cáo D giữ vai trò chính là người rủ rê và trực tiếp thực hiện tội phạm. Bị cáo U giữ vai trò giúp sức để bị cáo D thực hiện tội phạm, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất mức độ mà mình đã gây ra.

4/ Bị cáo D cho rằng trong vụ án này người chủ mưu là Mai Xuân H2 chứ không phải bị cáo và bị cáo cũng cho rằng trong các tang vật mà Cơ quan điều tra thu được của bị cáo ngày 29/7/2018 có 01 điện thoại Samsung màu ghi có cài đặt chức năng ghi âm cho tất cả các cuộc gọi đi và đến máy điện thoại của bị cáo. Trong 02 ngày 28, 29/7/2018 bị cáo có gọi cho H2 để báo cho H2 biết và bàn bạc về số tiền mà anh T2 sẽ giao... Cấp phúc thẩm cũng đã cho bị cáo nghe lại và ghi lại nội dung các đoạn clip trong điện thoại của bị cáo D để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo D, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có xem xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây thiệt hại. Trong

giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo không cung cấp thêm tình tiết gì mới. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo D.

5/ Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo U, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa, bị cáo U cho rằng bị cáo bị oan, không phạm tội Cường đoạt tài sản như cấp sơ thẩm đã xét xử, nhận thấy: Tại Bản tự khai, các Biên bản ghi lời khai của bị cáo U (có số bút lục từ 208 đến 234) thì bị cáo thừa nhận: “Ngày 28/7/2018 bị cáo cùng với Phan D, Mai Xuân H2 và Nguyễn Văn P đến tỉnh Tiền Giang. Khi vừa ra khỏi đoạn Cao tốc L thì phát hiện lực lượng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an Tiền Giang đang làm nhiệm vụ. Lúc này bị cáo dừng xe lại, cầm máy ảnh, có tính năng quay phim, chụp hình hiệu Nikon; Phan D cầm máy quay phim hiệu Sony màu đen, anh P cầm máy quay phim hiệu Panasonic màu đen xuống xe để quay video clip Cảnh sát giao thông Công an Tiền Giang làm nhiệm vụ sai quy trình. H2 thì ngồi lại trong xe. Bị cáo quay được khoảng một lúc thì máy hết pin nên vào xe ngồi” (bút lục 221). “Khoảng 15 giờ cùng ngày bị cáo lái xe chở D, H2 và P đến Phòng Cảnh sát giao thông để gặp anh T2, với mục đích ban đầu là xác minh xem đoạn video clip vừa quay có phải cán bộ giao thông của đội anh T2 không. Sau đó, ngày 29/7/2018 trước khi xuống Tiền Giang lần thứ 2 tôi mới biết H2 sử dụng đoạn clip này để cưỡng đoạt tiền của anh T2” (bút lục 222). “Ngày 29/7/2019 tôi lái xe chở H2, D đến khách sạn T, để D vào khách sạn, mục đích D vào khách sạn là để lấy số tiền 250.000.000 đồng của anh T2, Đội H, nhưng do anh T2 không đến nên D gọi điện tôi đến chở về” (bút lục 212). Việc thỏa thuận chia tiền như sau: H2 chuyển 100.000.000 đồng ra Hà Nội, còn lại 100.000.000 đồng thì trừ 10.000.000 đồng chi phí thuê xe, còn 90.000.000 đồng thì chia làm 3 phần: D, H2 và U mỗi người 30.000.000 đồng (bút lục 214); “Tôi có quay phim tố công tác Cảnh sát giao thông, nhưng không nhớ những đoạn nào, Mục đích quay phim để vùi vĩnh, buộc cảnh sát giao thông đưa tiền” (bút lục 231, 232).

Như vậy bị cáo U cho rằng bị cáo chỉ làm nhiệm vụ lái xe, không biết D tổng tiền anh T2 cũng không tham gia cưỡng đoạt tiền của anh T2 là không có căn cứ.

Tại phiên tòa bị cáo U cho rằng do mới bị bắt nên tâm lý khi khai báo không ổn định là không có cơ sở. Bởi lẽ Cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai của bị cáo nhiều lần, nhiều ngày khác nhau, có bản khai có mặt của Kiểm sát viên cùng tham gia và lời khai của bị cáo cũng không thay đổi. Hơn nữa lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo D.

Bị cáo luôn quanh co chối tội nên Tòa án cấp sơ thẩm đã có xem xét đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây thiệt hại. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo không cung cấp thêm tình tiết gì mới. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo U.

Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời bào chữa của Luật sư là không có cơ sở như phân tích ở nhận định trên.

Qua lời khai của bị cáo D, lời khai của anh Lê Anh T2, Nguyễn Hoàng N2 và Đỗ Văn V, tất cả đều cho rằng anh Mai Xuân H2 là người chủ mưu và có liên quan trực tiếp đến vụ án nếu không tiến hành điều tra là có thiếu sót nên Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tiền Giang tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Mai Xuân H2 theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo **Phan D** và **Nguyễn Văn U**.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2019/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố: Các bị cáo **Phan D** và **Nguyễn Văn U** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phan D **08 (tám) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 29/7/2018.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 170, điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn U **07 (bảy) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 30/7/2018.

2/ Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thành phố M;
- VKSND thành phố M;
- Công an thành phố M;
- THADS thành phố M;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Thơ